

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2021

Thực hiện Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 19 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2021 và Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 19 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước10.500 tỷ đồng.
- + Thu nội địa 9.500 tỷ đồng.
- + Thu xuất nhập khẩu 1.000 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSĐP)11.517,8 tỷ đồng.
- + Thu cân đối NSĐP 10.293,2 tỷ đồng.
- + Thu NSTW bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ:..... 1.224,6 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương11.542,2 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSĐP:10.317,6 tỷ đồng.
- + Chi các mục tiêu, nhiệm vụ: 1.224,6 tỷ đồng.
- Bộ chi ngân sách địa phương24,4 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2021 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN QUÝ I NĂM 2021

I. VỀ THU NSNN

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 3.323,3 tỷ đồng, đạt 31,7% dự toán, tăng 12% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 2.924,7 tỷ đồng, đạt 30,8% dự toán, tăng 5,1% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 398,6 tỷ đồng, đạt 39,9% dự toán, tăng 117,2% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Tính riêng thu nội địa)

- Khối Tỉnh: 2.333,1 tỷ đồng, đạt 33,1% dự toán.
- Khối Huyện: 591,6 tỷ đồng, đạt 24,1% dự toán, trong đó: có 06 huyện, thị xã, thành phố (Châu Thành, Dương Minh Châu, Trảng Bàng, Gò Dầu và Tân Biên, Thành phố Tây Ninh) đạt trên 25% so dự toán và 03 huyện, thị xã (Hòa Thành, Bến Cầu và Tân Châu) đạt dưới 25% so dự toán.

II. VỀ CHI NSDP

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 2.511,9 tỷ đồng, đạt 21,8% dự toán, giảm 1,8% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 2.389,3 tỷ đồng, đạt 23,2% dự toán, tăng 16% cùng kỳ, trong đó: Chi đầu tư phát triển 1.231,2 tỷ đồng, đạt 35,8% dự toán, tăng 23,9% cùng kỳ; Chi thường xuyên 1.158,1 tỷ đồng, đạt 19,3% dự toán, tăng 9,7% cùng kỳ;
- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 122,6 tỷ đồng, đạt 10% dự toán, giảm 75,3% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối Tỉnh: 1.493,3 tỷ đồng, đạt 21% dự toán;
- Khối Huyện: 1.018,6 tỷ đồng, đạt 23,1% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP	4.523,6 tỷ đồng.
- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết.....	2.821,8 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ NSTW	643,7 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn.....	1.058,1 tỷ đồng.
2. Tổng chi NSDP	2.751,5 tỷ đồng.
- Chi cân đối Ngân sách địa phương	2.511,9 tỷ đồng.
- Chi các CTMT, nhiệm vụ	122,6 tỷ đồng.
- Chi tạm ứng ngân sách	117,0 tỷ đồng.
3. Tôn quỹ NSDP (1-2).....	1.772,1 tỷ đồng.
- Ngân sách tỉnh.....	832,9 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện, xã	939,2 tỷ đồng.

V. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Có 9/16 khoản thu đạt từ 25% trở lên so với dự toán, cụ thể như sau:

- Thu từ DNNN đạt 39,2% dự toán, tăng 59,7% cùng kỳ, trong đó: Thu từ DNNN trung ương đạt 35,6% dự toán, tăng 45,3% cùng kỳ; Thu từ DNNN địa phương đạt 56,7% dự toán, tăng 129,2% cùng kỳ.
- Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 45,9% dự toán, tăng 59,5% cùng kỳ.
- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 33,1% dự toán, tăng 9,5% cùng kỳ.
- Thuế Thu nhập cá nhân đạt 29% dự toán, giảm 12,6% cùng kỳ.
- Thu tiền thuê đất đạt 27,5% dự toán, tăng 248,5% cùng kỳ.
- Thu khác ngân sách đạt 49,2% dự toán, tăng 11,9% cùng kỳ.
- Các khoản thu tại xã đạt 30,7% dự toán, tăng 11,6% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 32,8% dự toán, giảm 35,1% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 39,9% dự toán, tăng 117,2% cùng kỳ.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 35,8% dự toán, nguyên nhân đạt cao chủ yếu do phần lớn có số giải ngân tạm ứng XDCB từ nguồn năm 2020 chuyển sang năm 2021;
- Chi thường xuyên đã đảm bảo các nhu cầu chi theo chủ trương của tỉnh về thăm hỏi các đối tượng chính sách, chi đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác.

2. Những khó khăn

2.1. Về thu ngân sách: Trong 3 tháng đầu năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến hết sức phức tạp, làm ảnh hưởng rất lớn đến thu ngân sách nhà nước, có 07/16 khoản thu đạt dưới 25% so với dự toán, cụ thể là: Lệ phí trước bạ đạt 20,9% dự toán, tăng 0,5% cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 16,6% dự toán, tăng 16,9% so cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 24% dự toán, tăng 2,2% cùng kỳ; Phí và lệ phí đạt 21,3% dự toán, giảm 6,5% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 16,8% dự toán, giảm 37,6% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 14,3% dự toán, giảm 10,9% cùng kỳ.

2.2. Về chi ngân sách

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối đạt khá, vượt tiến độ dự toán. Tuy nhiên, nếu chỉ tính số giải ngân vốn XDCB theo dự toán chi ngân sách đầu năm thì chi đầu tư XDCB (nguồn cân đối) 3 tháng đạt thấp so với tiến độ.

- Chi thường xuyên, ngoài lĩnh vực đạt cao so dự toán là đảm bảo xã hội thì các lĩnh vực còn lại chưa đạt tiến độ dự toán, trong đó: sự nghiệp kinh tế đạt 10% (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 11,5%; sự nghiệp lâm nghiệp 11%; sự nghiệp thủy lợi 2%; sự nghiệp giao thông 9,7%; sự nghiệp kiến thiết thị chính 14,3% và sự nghiệp kinh tế khác 9,4%); sự nghiệp môi trường 8,8%; sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 20,6%; sự nghiệp y tế: 20,3%; sự nghiệp văn hóa: 19,3%; sự nghiệp phát thanh truyền hình: 10,2%; sự nghiệp thể dục thể thao: 14,9%; sự nghiệp KH-CN: 18,4%; chi khác: 8,6%.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ đạt 10% dự toán, giảm 75,3% cùng kỳ, gồm: Chi các Chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 9,8% dự toán, giảm 74,3% cùng kỳ; Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm 91,7% cùng kỳ.

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- LĐVP; PKT;
- Lưu: VT. VP.

Trúc 09

g

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 105/BC-UBND ngày 04/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2021	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.500.000	4.381.383	41,7%	104,2%
I	Thu cân đối NSNN	10.500.000	3.323.271	31,7%	112,0%
1	Thu nội địa	9.500.000	2.924.664	30,8%	105,1%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.000.000	398.607	39,9%	217,2%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.058.112		85,5%
B	TỔNG CHI NSĐP	11.542.193	2.511.941	21,8%	98,2%
I	Chi cân đối NSĐP	10.317.588	2.389.334	23,2%	116,0%
1	Chi đầu tư phát triển	3.439.850	1.231.235	35,8%	123,9%
2	Chi thường xuyên	6.008.148	1.158.100	19,3%	109,7%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.450	0	0,0%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
5	Dự phòng ngân sách	205.900	0	0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP	1.224.605	122.607	10,0%	24,7%
C	BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP	24.400			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	13.160	0	0,0%	



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 105/BC-UBND ngày 01/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2021	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.500.000	3.323.271	31,7%	112,0%
I	Thu nội địa	9.500.000	2.924.664	30,8%	105,1%
1	Thu từ khu vực DNNN	410.000	160.664	39,2%	159,7%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.100.000	504.948	45,9%	159,5%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.700.000	562.610	33,1%	109,5%
4	Thuế thu nhập cá nhân	850.000	246.316	29,0%	87,4%
5	Thuế bảo vệ môi trường	645.000	154.643	24,0%	102,2%
6	Lệ phí trước bạ	420.000	87.738	20,9%	100,5%
7	Thu phí, lệ phí	522.000	111.009	21,3%	93,5%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.913.000	433.570	22,7%	137,2%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	1.823	16,6%	116,9%
-	Thu tiền sử dụng đất	859.600	144.807	16,8%	62,4%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.042.400	286.940	27,5%	348,5%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	27.000	3.856	14,3%	89,1%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	1.000	0	0,0%	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.710.000	560.388	32,8%	69,7%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	614	30,7%	111,6%
13	Thu khác ngân sách	200.000	98.308	49,2%	111,9%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.000.000	398.607	39,9%	217,2%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 105 /BC-UBND ngày 01/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2021	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP	11.542.193	2.511.941	21,8%	98,2%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	10.317.588	2.389.334	23,2%	116,0%
I	Chi đầu tư phát triển	3.439.850	1.231.235	35,8%	123,9%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.257.930	1.220.035	37,4%	123,0%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	181.920	11.200	6,2%	580,6%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	6.008.148	1.158.100	19,3%	109,7%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.315.300	477.842	20,6%	109,1%
2	Chi khoa học và công nghệ	42.140	7.753	18,4%	555,6%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	464.190	94.364	20,3%	132,8%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	110.880	21.406	19,3%	101,8%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	60.000	6.150	10,2%	164,9%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	33.900	5.036	14,9%	151,8%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	131.770	11.591	8,8%	142,8%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	878.795	88.071	10,0%	123,7%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.112.490	222.012	20,0%	102,0%
10	Chi bảo đảm xã hội	346.350	136.348	39,4%	110,3%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.450	0	0,0%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	205.900	0	0,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	1.224.605	122.607	10,0%	24,7%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	2.457		8,3%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.224.605	120.149	9,8%	25,7%
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.114.420	103.560	9,3%	22,8%
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	110.185	16.589	15,1%	129,8%